

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH NHAI
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 02/2021/HS-ST
Ngày 23/11/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH NHAI, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Điều Thị Châu

2. Bà Vũ Thị Thu

Thư ký phiên tòa: Ông Tông Văn Cách - Thư ký Toà án huyện Quỳnh Nhai.

Đại diện VKSND huyện Quỳnh Nhai tham gia phiên tòa: Ông Vũ Bá Ly-
Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2021/TLST - HS ngày 09 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST - HS ngày 02 tháng 11 năm 2021; theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021 ngày 17 tháng 11 năm 2021 đối với bị cáo.

Họ và tên: **Tông Văn C**, tên gọi khác: Không; sinh năm 1989; Nơi ĐKKHKT: Bản C, xã M1, huyện Q, tỉnh Sơn La; Dân tộc; Thái; Quốc tịch; Việt Nam; Tôn giáo; Không. Đảng phái, đoàn thể: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: Lớp 7/12; con ông: Tông Văn N, con bà Tông Thị B; Có vợ là Tông Thị Đ và có 02 con, con lớn 13 tuổi, con nhỏ 11 tuổi.

Tiền án: Có 02 tiền án;

+ Ngày 29/12/2017 Bị Tòa án nhân dân Quận T, thành Phố Hà Nội xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích);

+ Ngày 27/9/2019 Bị Tòa án nhân dân huyện Q áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. xử phạt 21 (hai mươi một) tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (chưa được xóa án tích);

Tiền sự: Có 01 tiền sự. Ngày 02/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Q, áp dụng biện pháp đưa vào cai nghiện bắt buộc với thời gian là 24 tháng (bị cáo đã chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc nhưng chưa được xóa theo quy định tại Điều 7 Luật XLVPHC năm 2012).

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/7/2021 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. Ông Vũ A T, sinh năm 1990; Trú tại: Bản Đ, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

2. Bà Lò Thị L, sinh năm 1997; Trú tại: Bản C, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 06/7/2021 Tòng Văn C đang ngồi ở cổng chợ Trung tâm huyện Q (Thuộc xóm 2 xã M, huyện Q) thì thấy vợ chồng người Mông đi một chiếc xe mô tô nhãn hiệu HON DA, loại xe Future Neo, màu sơn đen xám, Biển kiểm soát BKS 26K3 – 6118 đến dừng ở cạnh lề đường và đi bộ vào trong chợ nên C nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe đó, C tiến đến và ngồi lên chiếc xe rồi dùng chiếc chìa khóa C nhặt được trước đó cắm vào ổ khóa nổ và điều khiển xe mô tô theo hướng Quốc lộ 6B về hướng T để tìm nơi tiêu thụ. Khi đi đến đoạn đầu cầu Bản H, thuộc xã T, huyện T, C dừng xe và tháo biển số xe ném xuống bãi cỏ bên cạnh đường, rồi tiếp tục điều khiển xe máy tìm chỗ tiêu thụ tài sản. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, C bán xe mô tô vừa trộm được cho cửa hàng thu mua phế liệu của anh Lò Văn V sinh năm 1982. Trú tại: Bản B, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La với giá là 700.000(*Bảy trăm nghìn đồng*) và sử dụng số tiền đó tiêu sài hết.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản Vũ A T đã có đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đề nghị điều tra. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q đã tiến hành điều tra, khám nghiệm hiện trường.

Quá trình điều tra Tòng Văn C còn khai nhận thêm: Ngày 12/7/2021 Tòng Văn C đang đi bộ khu vực chợ T, huyện T, tỉnh Sơn La. thì phát hiện 01 chiếc máy mô tô nhãn hiệu HONDA loại xe WEVE, màu sơn xanh, Biển kiểm soát BKS - 26M1 – 175.94 của chị Lò Thị L, sinh năm 1997, trú tại bản C, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La.(chiếc xe chị Lò Thị L mượn chị Lò Thị H) đang được dựng ở vệ đường cổng chợ, chìa khóa vẫn đang cắm trong ổ và không có người trông coi C nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên, sau đó C tiến đến chiếc xe nổ máy và điều khiển xe về hướng trung tâm huyện Q, tỉnh Sơn La. sau khi đến địa bàn huyện Q thì C bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q mời về trụ sở để làm việc và tạm giữ vật chứng như trên.

* Quá trình điều tra đã thu được vật chứng gồm:

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Wave, màu sơn xanh đen bạc, biển kiểm soát 26M1 – 175.94, số khung: 39IILY103495, số máy: JA39E1441232, xe đã qua sử dụng.

- 01 ví da màu hồng, bên trong gồm có: 01 (Một) thẻ ngân hàng Vietinbank số 9704151552174956;

- Số tiền 357.000 đ (*Ba trăm năm mươi bảy nghìn đồng*)

* Quá trình điều tra đã thu được vật chứng gồm:

+ 01 chiếc ví da màu hồng, có khóa kéo;

+ 01 giấy phép lái xe số 141150008370, mang tên Lò Thị L;

+ 01 chứng minh thư số 051030883 mang tên Lò Thị L;

+ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 019175, mang tên Lò Thị H;

+ 01 thẻ ngân hàng Vietinbank mang tên Quảng Văn S; số tiền 357.000 đồng;

+ 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn xanh đen bạc, BKS 26M1 – 175.94, xe đã qua sử dụng.

Ngày 12/7/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai ra yêu cầu định giá tài sản số 04, đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện Quỳnh Nhai định giá đối với: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Future Neo, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 26K3 – 6118, năm sản xuất 2008.

Tại kết luận định giá tài sản số: 10/KL ngày 13/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Quỳnh Nhai kết luận: “ 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Future Neo, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 26K3 – 6118, năm sản xuất 2008, có trị giá: 10.000.000 đồng”.

Ngày 30/7/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện T ra yêu cầu định giá tài sản số 24, đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện T đối với: 01 xe mô tô BKS 26M1 – 175.94, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn xanh đen bạc, số máy JA39E1441232, số khung 3911LY103495.

Tại kết luận định giá tài sản số: 171/KL ngày 02/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện Q kết luận: “ 01 xe mô tô BKS 26M1 – 175.94, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn xanh đen bạc, số máy JA39E1441232, số khung 3911LY103495, có trị giá: 16.000.000 đồng”.

Bản cáo trạng số 47/CT-VKS-QN ngày 03 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Tòng Văn C về tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai tham gia phiên tòa sau khi trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Tòng Văn C phạm tội trộm cắp tài sản.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS năm 2015, xử phạt Tòng Văn C từ 36(*ba mươi sáu*) tháng đến 42(*bốn mươi hai*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 584; Điều 585; Điều 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự

- Buộc Tòng Văn C phải bồi thường cho Vừ A T số tiền 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*).

- Buộc Tòng Văn C phải bồi thường cho Lò Thị L số tiền 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự tuyên truy thu số tiền mà Tòng Văn C bán xe máy là 700.000đ (Bảy trăm ngàn đồng)

Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc Cơ quan Điều tra đã trả lại cho bà Lò Thị L.

- + 01 chiếc ví da màu hồng, có khóa kéo;
- + 01 giấy phép lái xe số 141150008370, mang tên Lò Thị L;
- + 01 chứng minh thư số 051030883 mang tên Lò Thị L;
- + 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 019175, mang tên Lò Thị H;
- + 01 thẻ ngân hàng Viettinbank mang tên QUANG VAN S; số tiền 357.000 đồng;
- + 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn xanh đen bạc, BKS 26M1 – 175.94, xe đã qua sử dụng.

Về án phí: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Buộc bị cáo Tòng Văn C phải chịu án phí hình sự sơ

thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí sơ thẩm dân sự là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

Sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm xử lý các vấn đề của vụ án, bị cáo hoàn toàn nhất trí với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và có lời nói sau cùng xin được giảm nhẹ mức hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Tòng Văn C không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về bị hại vắng mặt tại phiên tòa đã có lời khai và ý kiến trong hồ sơ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án : Lời khai nhận của bị cáo Tòng Văn C tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra và phù hợp với lời khai của bị hại, vật chứng thu giữ được, kết luận định giá tài sản số: 10/KL ngày 13/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Quỳnh Nhai kết luận: “ 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Future Neo, màu sơn đen xám, biển kiểm soát 26K3 – 6118, năm sản xuất 2008, có trị giá: 10.000.000 đồng”; Tại kết luận định giá tài sản số: 171/KL ngày 02/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Quỳnh Nhai kết luận: “ 01 xe mô tô BKS 26M1 – 175.94, nhãn hiệu HONDA, loại xe Wave, màu sơn xanh đen bạc, số máy JA39E1441232, số khung 3911LY103495, có trị giá: 16.000.000 đồng”. Từ đó đủ cơ sở chứng minh Tòng Văn C đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của ông Vừ A T và bà Lò Thị L, chiếm đoạt số tài sản nêu trên có tổng trị giá 26.000.000đ nhằm mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Nhai truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách bất hợp pháp, gây mất trật tự trị an trên địa bàn. Bị cáo Tòng Văn C là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong tháng 7 năm 2021 bị cáo Tòng Văn C liên tiếp thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản vào các ngày mùng 06, 12 tháng 7 năm 2021. Do vậy bị cáo phạm tội 02 lần trở lên thuộc điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Tòng Văn C có 02 tiền án. Ngày 29/12/2017 Bị Tòa án nhân dân Quận T, thành Phố, Hà Nội xử phạt 09 (chín) tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản; Ngày 27/9/2019 Bị Tòa án nhân dân huyện Q áp dụng khoản 1 Điều 173 điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. xử phạt 21 (hai mươi một) tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản. Bị cáo chưa được xóa án tích; Vào ngày 02 tháng 5 năm 2019 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc tại cơ sở điều trị cai nghiện ma túy tỉnh Sơn La, thời hạn 24 tháng (Chấp hành xong), nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, các lần phạm tội trên đều cùng loại tội. Chứng tỏ bị cáo chưa thực sự ăn năn hối cải ở các lần xử phạt trước đó mà tiếp tục phạm tội mới cùng tính chất. Ở lần phạm tội này bị cáo thực hiện nhiều lần (02 lần), trị giá tài sản mà bị cáo chiếm đoạt cao (26.000.000đ), do đó cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS của Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền). Xét thấy bị cáo không có tài sản gì có trị, vì vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại đã có đề nghị Tòa án xem xét về mức bồi thường cụ thể như sau:

- Ông Vừa A T yêu cầu Tòng Văn C phải bồi thường cho ông số tiền trị giá chiếc xe và tiền công truy tìm tài sản là 8.000.000 đồng (*Tám triệu đồng*)
- Bà Lò Thị L yêu cầu Tòng Văn C phải bồi thường cho bà số tiền công truy tìm tài sản là 2.000.000 đồng (*Hai triệu đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường cho ông Vừa A T số tiền 8.000.000đ, cho bà Lò Thị L số tiền 2.000.000đ.

Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584,585,586 và Điều 589 Bộ luật dân sự, ghi nhận sự tự nguyện bị cáo .

[7] Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Lò Thị L: 01 chiếc ví da màu hồng, có khóa kéo; 01 giấy phép lái xe số 141150008370, mang tên Lò Thị L; 01 chứng minh thư số 051030883 mang tên Lò Thị L; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 019175, mang tên Lò Thị H; 01 thẻ ngân hàng Viettinbank mang tên QUANG VAN S; số tiền 357.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE, màu sơn xanh đen bạc, BKS 26M1 – 175.94, xe đã qua sử dụng. Bà Lò Thị L đã nhận lại tài sản. Việc trả lại tài sản đúng theo quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận.

[8] Về tiền thu lời bất chính: Quá trình điều tra xác định, vào ngày 06/7/2021, Tòng Văn C đã lấy trộm chiếc xe máy của ông Vừ A T, sau đó đem đi bán cho Lò Văn V (chủ cửa hàng thu mua phế liệu) được 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng), C đã tiêu xài cá nhân hết. Đây là số tiền Tòng Văn C thu lời bất chính do phạm tội mà có, nên cần buộc bị cáo C nộp lại số tiền 700.000đ để sung vào ngân sách Nhà nước là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[9] Về vấn đề khác:

Đối với anh Lò Văn V, sinh năm 1982, trú tại: Bản B, xã T, huyện T, tỉnh Sơn La là người mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 26K3 – 6118, nhãn hiệu HONDA, loại xe Future Neo, màu sơn đen xám của Tòng Văn C tuy nhiên việc mua xe anh Vui không biết là xe trộm cắp mà có, việc mua bán có giấy tờ hợp pháp và anh V có đăng ký kinh doanh sắt vụn hợp pháp nên không có căn cứ để xử lý.

Đối với chiếc xe biển kiểm soát 26K3 – 6118, nhãn hiệu HONDA, loại xe Future Neo, màu sơn đen xám, đã qua sử dụng. Sau khi mua anh V đã tháo bán sắt vụn nên không có căn cứ để tịch thu truy tìm.

Đối với chiếc biển kiểm soát 26K3-6118 mà Tòng Văn C đã vứt xuống bãi cỏ bên cạnh đường ở đầu cầu bản H, thuộc xã T, huyện T, cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm và ra thông báo truy tìm nhưng chưa có kết quả. Cơ quan cảnh sát điều tra sẽ tiếp tục điều tra khi nào có kết quả sẽ có hình thức xử lý sau.

[10] Về án phí: căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và

lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Tòng Văn C phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự;

1/ Tuyên bố bị cáo Tòng Văn C phạm tội “ Trộm cắp tài sản”

Xử phạt bị cáo Tòng Văn C 36 (*Ba sáu*) tháng tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 13/7/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (Phạt tiền) đối với bị cáo.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự

- Buộc Tòng Văn C phải bồi thường cho ông Vừ A T số tiền 8.000.000 đ (*Tám triệu đồng*).

- Buộc Tòng Văn C phải bồi thường cho bà Lò Thị L số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*).

3/ Về tiền thu lời bất chính: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Tòng Văn C nộp số tiền 700.000đ (*Bảy trăm nghìn đồng*) sung Ngân sách Nhà nước.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho các bị hại thì bị cáo phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, lãi xuất chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án - Buộc bị cáo Tòng Văn C phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ (*Hai trăm nghìn đồng*) và án phí dân sự sơ thẩm là 500.000đ (*Năm trăm nghìn đồng*) theo quy định của pháp luật.

Án xử công khai có mặt bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 23/11/2021). Đối với các bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an (02);
- Bị hại ;
- Trại giam;
- Sở Tư pháp;
- CCTHA Dân sự;
- TH hình sự ; bị cáo; Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Hương